**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 3**
**THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 07-7-2023
V/v: Tranh chấp ly hôn.

# NHÂN DANH
# NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
# TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 3 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thanh Nhàn

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Đặng Thị Ngọc Hằng

2. Bà Nguyễn Thị Xuyến

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Duy Dương là Thư ký Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh*** *tham gia phiên toà:* Bà Ngô Thị Thu Hường – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 7 năm 2023 tại phòng xử án Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 192/2022/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2022 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 29/2023/QĐST- HNGĐ ngày 08 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn*: Ông Đinh Thức Đ, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Đường S, Phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Đường S, Phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*- Tại đơn khởi kiện ngày 29/3/2022 và trong quá trình tham gia tố tụng giải quyết vụ án nguyên đơn ông Đinh Thức Đ trình bày như sau*: Ông và bà Nguyễn Thị H tự nguyện kết hôn và đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 44 do Ủy ban nhân dân Phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí

Minh cấp ngày 16 tháng 7 năm 2014. Ông và bà H chung sống có 01 con chung tên Đinh Gia P, sinh ngày 21/5/2015. Sau khi kết hôn thì vợ chồng chung sống cũng hạnh phúc nhưng vẫn thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mẫu thuẫn giữa ông và bà H là bất đồng ý kiến, dẫn đến bà H có lời nói xúc phạm ông dẫn đến tình cảm của ông đối với bà H không còn, nên ông và bà H tự ly thân với nhau. Ông tự dọn về nhà cha mẹ ruột ở từ năm 2022 cho đến nay. Do tình cảm giữa vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt nên ông yêu cầu được ly hôn với bà H.

+ Về nuôi con chung: Do bà H đang nuôi dưỡng con tên Đinh Gia P nên ông giao con tên Đinh Gia P cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng.

+ Về cấp dưỡng nuôi con: Ông cấp dưỡng nuôi con tên Đinh Gia P mỗi tháng số tiền 2.000.000 đồng cho đến khi con thành niên.

+ Về chia tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Bị đơn bà Nguyễn Thị H trong quá trình tham gia tố tụng giải quyết vụ án trình bày như sau*: Về điều kiện kết hôn và con chung thì bà xác nhận đúng như nguyên đơn ông Đ trình bày. Bà thừa nhận vợ chồng trước đây là có mâu thuẫn, nhưng đây chỉ là mâu thuẫn nhỏ không đáng kể. Bà còn tình cảm với ông Đ, mong rằng ông Đ tha thứ cho bà đã làm cho ông Đ buồn nên bà không đồng ý ly hôn nhưng do ông Đ cương quyết ly hôn nên bà cũng đồng ý ly hôn với ông Đ.

+ Về nuôi con chung: Bà đồng ý nuôi con tên Đinh Gia P.

+ Về cấp dưỡng nuôi con: Bà đồng ý mức cấp dưỡng mà ông Đ cấp dưỡng nuôi con.

+ Về chia tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

***Tại phiên Tòa:***

- Xét đơn thay đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện và đề nghị xét xử vắng mặt của nguyên đơn ông Đ ngày 04/7/2023 yêu cầu khởi kiện như sau:

+ Về quan hệ vợ chồng: Yêu cầu được ly hôn với bà Nguyễn Thị H.

+ Về con chung: Giao con tên Đinh Gia P sinh ngày 21/5/2015 cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng.

+ Về cấp dưỡng nuôi con: Thay đổi, bổ sung mức cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi con thành niên.

+ Về chia tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn bà Nguyễn Thị H vắng mặt.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 3 phát biểu:

+ Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án theo đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự;

+ Ý kiến về việc giải quyết vụ án thì đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận như sau: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn ông Đ.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền và thủ tục tố tụng:

[1.1] Xét đơn của nguyên đơn ông Đ khởi kiện yêu cầu được ly hôn đối với bị đơn bà H là phát sinh tranh chấp về Hôn nhân và Gia đình được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự quy định thì nơi bị đơn bà H cư trú tại đường S, Phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án tranh chấp ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

[1.3] Bị đơn bà H được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định tại Điều 208 và Điều 210 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.4] Bị đơn bà H đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng không có mặt tại phiên tòa nên tiến hành xét xử vắng mặt bà H theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.5] Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt tại phiên tòa nên căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Đ.

[2] Về các yêu cầu của nguyên đơn, xét: Căn cứ vào giấy chứng nhận kết hôn số 44, quyển số 01/2014 thì ông Đinh Thức Đ và bà Nguyễn Thị H có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh ngày 16/7/2014 nên quan hệ hôn nhân của ông Đ và bà H là hợp pháp sẽ được giải quyết theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, thì Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[2.1] Về yêu cầu ly hôn của nguyên đơn ông Đ: Nguyên đơn ông Đ yêu cầu ly hôn với bà H vì cuộc sống chung vợ chồng bất đồng quan điểm. Từ năm 2022 cho đến nay ông Đ và bà H không chung sống với nhau là hôn

nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn không đạt được. Bà H cũng xác nhận vợ chồng có mâu thuẫn nhưng mong muốn hàn gắn đoàn tụ gia đình nhưng do ông Đ cương quyết ly hôn nên bà H cũng đồng ý ly hôn với ông Đ nên ghi nhận thỏa thuận ly hôn giữa ông Đ và bà H là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[2.2] Về nuôi con chung:

[2.2.1] Căn cứ vào Giấy khai sinh con tên Đinh Gia P sinh ngày 21/5/2015 thì ông Đ và bà H chung sống có 01 con chung là phù hợp với lời khai của ông Đ và bà H.

[2.2.2] Theo lời khai của ông Đ và lời khai của bà H cùng xác nhận là bà H là người đang trực tiếp nuôi dưỡng con chung nên ghi nhận ý kiến này. Ông Đ đồng ý giao con cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng và bà H cũng đồng ý nuôi con nên ghi nhận thỏa thuận về con nuôi chung giữa ông Đ và bà H là phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Đ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng và bà H cũng đồng ý mức cấp dưỡng nuôi con và phương thức cấp dưỡng mà ông Đ đưa ra nên ghi nhận thỏa thuận này giữa ông Đ và bà H là phù hợp quy định tại Điều 110, Điều 116 và Điều 117 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[2.4] Về chia tài sản chung: Nguyên đơn ông Đ và bị đơn bà H không yêu cầu giải quyết nên không xét.

[2.5] Về án phí: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật Phí và lệ phí và điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Nguyên đơn ông Đ phải chịu án phí ly hôn số tiền 300.000 đồng và án phí nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con số tiền 300.000 đồng.

*Vì các lẽ nêu trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 208, Điều 210, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 110, Điều 116, Điều 117 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Áp dụng Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Áp dụng Luật Phí và lệ phí và điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Áp dụng Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử :

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn ông Đinh Thức Đ

1.1 Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa ông Đinh Thức Đ và bà Nguyễn Thị H.

1.2 Về nuôi con chung: Giao con tên Đinh Gia P sinh ngày 21/5/2015 cho bà Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng.

1.3 Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Ông Đinh Thức Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con Đinh Gia P sinh ngày 21/5/2015 mỗi tháng 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng), bắt đầu thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật cho đến khi trẻ Đinh Gia P thành niên.

Ông Đinh Thức Đ được quyền thăm nom con và phải có nghĩa vụ chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung.

Vì lợi ích của con trẻ, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có quyền quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc giữ mức cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày bà Nguyễn Thị H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Đinh Thức Đ chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con thì ông Đinh Thức Đ phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm thực hiện theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

1.5 Về chia tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Ông Đinh Thức Đ phải chịu số tiền 600.000 đồng gồm: Án phí ly hôn số tiền 300.000 đồng, án phí nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con số tiền 300.0000 đồng nhưng được cấn trừ vào số tiền 300.000 đồng do ông Đinh Thức Đ đã tạm ứng án phí theo biên lai số 0007118 ngày 08/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Đinh Thức Đ phải nộp thêm án phí số tiền 300.000 đồng tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn ông Đinh Thức Đ và bị đơn bà Nguyễn Thị H được quyền làm đơn kháng cáo, thời hạn kháng cáo 15 ngày được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

***Nơi nhận*:**
- *VKSND Quận 3;*
- *Các đương sự;*
- *Cục THADS Q.3;*
- *Ủy ban nhân Phường A, Quận B, Tp. HCM.*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊNTÒA**

**Nguyễn Thị Thanh Nhàn**